

Gia Lâm, ngày 21 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 375/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024, về việc: Ly hôn, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị ĐDN, sinh năm 1994; ĐKTT: Thôn N, xã P, huyện U, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Phòng 1*** Chung cư V 7 – 19 Đ, phường Đ, quận H, Hà Nội.

- *Bị đơn*: Anh NTD, sinh năm 1989; ĐKTT: Thôn M, xã P, huyện Q, Bắc Ninh.

Chỗ ở hiện nay: Phòng 1*** Chung cư V 7 – 19 Đ, phường Đ, quận H, Hà Nội.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 10 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị ĐDN, sinh năm 1994 và anh NTD, sinh năm 1989.

2. Công nhận sự thỏa thuận của chị ĐDN và anh NTD, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Chị N và anh D cùng xác định anh chị có 01 con chung là cháu NMK sinh ngày 23/3/2021.

Khi ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận: Giao cháu K cho chị N là mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con của anh D đến khi cháu K trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu khác về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

2.2. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Chị N và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của chị N chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/23 số 0004436 ngày 01 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm. Hoàn trả chị ĐDN số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gia Lâm;
- Chi cục THADS huyện Gia Lâm;
- UBND xã P, h.Q, tỉnh Bắc Ninh (GCNKH số 33/2019);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh Ngọc